

Bản án số: 545/2019/DS-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Đường K, Phường E, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M (Văn bản ủy quyền số 1911/2019/UQ-TTT ngày 01/10/2019) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quý P; địa chỉ: Đường X, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 23/6/2010, ông Trần Quý P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín

dụng (Sau đây gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ hợp đồng trên, Ngân hàng đã phát hành cho ông P 01 thẻ tín dụng có hạn mức là 60.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 398.487.798đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 455.678.879đ, sau đó không thanh toán nữa. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông P trả nợ nhưng ông P không thực hiện. Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán hết số nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ, tính đến ngày 20/11/2019 ông P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 37.717.517đ; lãi quá hạn: 31.990.794đ; tổng cộng: 69.708.311đ. Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 21/11/2019 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về nơi cư trú của đương sự:

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ cư trú của người bị kiện tại Đường H, Phường F, quận B. Tuy nhiên quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Công an Phường O, quận Tân Bình đã cung cấp thông tin bị đơn ông Trần Quý P có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Đường X, Phường O, quận B. Do đó, Tòa án nhân dân đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ Đường X, Phường O, quận B là phù hợp với quy định tại các điều 177; 178 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 23/6/2010, Ngân hàng TMCP S và ông Trần Quý P đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức: 60.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2.15%/tháng.

Tại bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện giao dịch lần đầu vào ngày 20/7/2010 với số tiền 1.000.000đ; lần cuối cùng vào ngày 22/6/2016 với số tiền 385.000đ và ngày thanh toán cuối cùng vào ngày 22/5/2017 với số tiền 8.000.000đ. Ngày 22/9/2017, số dư nợ đầu kỳ của ông P là 36.485.688đ; phí trễ hạn là 419.736đ; lãi là 812.093đ và số dư nợ cuối kỳ là 37.717.517đ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/6/2010 và tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đã đủ cơ sở xác định ông P đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện nhiều giao dịch và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh là phù hợp với thỏa thuận đã quy định tại Điều 2, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/6/2010 và Thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi, cụ thể: Nợ gốc: 37.717.517đ; lãi quá hạn: 31.990.794đ; tổng cộng: 69.708.311đ.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu

thêm tiền lãi phát sinh kể từ 21/11/2019 đối với số nợ gốc cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông P vắng mặt không lý do chính đáng, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông P phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 290; 471 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Trần Quý P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S các khoản tiền sau: Nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/6/2010, gồm:

- Nợ gốc: 37.717.517đ (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm mười bảy đồng*) và;

- Lãi quá hạn là: 31.990.794đ (*Ba mươi một triệu chín trăm chín mươi ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng*).

Tổng cộng: 69.708.311đ (*Sáu mươi chín triệu bảy trăm lẻ tám ngàn ba trăm mười một đồng*).

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày 21/11/2019 ông Trần Quý P còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/6/2010 đối với số nợ gốc 37.717.517đ (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy*

ngàn năm trăm mười bảy đồng) cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc nêu trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quý P phải chịu 3.485.416đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

5. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.305.825đ (Một triệu ba trăm lẻ năm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng đồng) theo Biên lai thu số 0037722 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý